

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	07 - 08
4. Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Gia Lai từ Công ty TNHH Một thành viên Cà phê Gia Lai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189678 ngày 13/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 146.763.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2022: 146.763.000.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : (84) 0269 3824760
- Fax : (84) 0269 3822487

Đơn vị trực thuộc: Công ty có 04 đơn vị trực thuộc (hạch toán phụ thuộc)

- Chi nhánh Ia Bã Địa chỉ: Thôn Hợp Nhất, xã Ia Bã, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Ia Yok Địa chỉ: Thôn Lập Thành, xã Ia Yok, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Ia Grăng Địa chỉ: Thôn Làng Khóp, xã Ia Grăng, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Chư Sê Địa chỉ: Thôn Phú Cường, xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai

3. Ngành nghề kinh doanh

- Mua bán nông sản xuất khẩu (trừ mù cao su);
- Buôn bán phân bón sử dụng trong nông nghiệp;
- Trồng cây cà phê;
- Rang và lọc cà phê, sản xuất các sản phẩm cà phê;
- Xuất nhập khẩu các loại cây giống, hạt giống, hàng nông sản các loại.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Đình Trường	Chủ tịch	11/09/2018	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Quang Hưng	Thành viên	11/09/2018	
Ông Trịnh Quang Vinh	Thành viên	20/05/2020	
Ông Phạm Văn Cường	Thành viên	11/09/2018	
Ông Trịnh Văn Công	Thành viên	11/04/2019	

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Đông Hưng	Trưởng ban	26/04/2021	
Bà Lê Thị Vinh	Thành viên	14/09/2018	
Bà Hoa Thị Lan Hương	Thành viên	20/05/2020	

4.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Quang Hưng	Tổng Giám đốc	13/09/2018	
Ông Phạm Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc	13/01/2020	
Ông Nguyễn Văn Quân	Kế toán trưởng	14/09/2018	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trịnh Đình Trường	Chủ tịch Hội đồng quản trị	11/09/2018
Ông Trịnh Quang Hưng	Tổng Giám đốc	13/09/2018

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 39.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

9. Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



TRINH DINH TRƯỜNG

Chủ tịch

Gia Lai, ngày 22 tháng 03 năm 2023



Số: 22/2023/BCKT/AUD-DNVVLUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại Mục I.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 13/09/2018. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay vẫn chưa có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh vốn Nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa (Công ty TNHH MTV Cà phê Gia Lai) chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cà phê Gia Lai (tại ngày 13/9/2018). Nên số liệu trên Báo cáo tài chính các năm trước có thể thay đổi khi có Quyết định phê duyệt chính thức của Cơ quan có thẩm quyền.
2. Như trình bày tại thuyết minh V.4a – Phải thu ngắn hạn khác và V.19b – Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu, hiện nay các cổ đông đã góp vốn đủ. Tuy nhiên, tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần (ngày 13/09/2018), Nhà nước đã thoái vốn vượt quá số vốn Nhà nước là 24.305.035.075 đồng. Khoản chênh lệch về thoái vốn trên được ghi nhận vào khoản phải thu và khoản phải thu này có thể thay đổi khi quyết toán chính thức việc chuyển giao vốn cho Công ty cổ phần.

3. Như trình bày tại mục VIII.1 – Nợ tiềm tàng, khoản tiền thuê đất và phạt chậm nộp theo Thông báo của Cơ quan Thuế chưa được ghi nhận đầy đủ vào chi phí hoạt động các kỳ trước của Công ty. Nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước tiền thuê đất này do 2 bên chưa thống nhất nghĩa vụ phải nộp và đang làm thủ tục để trao đổi lại, cụ thể:

- Giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước là 7.774.706.081 đồng (tiền thuê đất) và 2.350.758.470 đồng (phạt chậm nộp).
- Giai đoạn Công ty cổ phần (năm 2019) là 395.826.472 đồng (tiền thuê đất) và 135.444.900 đồng (phạt chậm nộp).

Việc chưa điều chỉnh số liệu là do đang vướng thủ tục bàn giao giữa Doanh nghiệp Nhà nước và Công ty cổ phần và do chưa thống nhất diện tích tính tiền thuê đất. Số liệu này có thể ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán (nếu có) tùy thuộc vào quyết định phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

- Như trình bày tại điểm (b1) của Thuyết minh số V17.b, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định dùng các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp cho Công ty để đảm bảo các khoản vay của Công ty CP Chè Biển Hồ (chung công ty đầu tư) tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai. Việc đảm bảo các khoản vay của công ty là bên liên quan như trên là chưa phù hợp với quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.5 trong Thuyết minh Báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính của Công ty được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục mặc dù tại ngày 31/12/2022, lỗ lũy kế là (74.533.648.972) đồng, nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản ngắn hạn là 25.946.972.774 đồng. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để đảm bảo Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo. Báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan tới các vấn đề không chắc chắn này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- **VIETVALUES**



Hùng Hưng

Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNDKHN số: 2896-2019-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

Hùng Minh Hưng - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số: 3402-2020-071-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		41.766.359.859	50.976.833.917
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	166.964.709	504.054.888
111	1. Tiền		166.964.709	504.054.888
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		39.533.045.889	46.649.367.683
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	14.668.316.300	21.780.933.700
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	103.347.637	103.345.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	25.332.315.490	25.337.802.650
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.4	(570.933.538)	(572.713.667)
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	307.817.287	1.896.598.989
141	1. Hàng tồn kho		307.817.287	1.896.598.989
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.758.531.974	1.926.812.357
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.10a	583.330	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.757.948.644	1.821.614.975
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	-	105.197.382
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		125.356.007.182	140.819.401.929
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		121.410.384.250	133.492.066.962
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	121.304.867.613	132.074.080.237
222	- Nguyên giá		398.667.757.328	400.701.668.409
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(277.362.889.715)	(268.627.588.172)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.7	105.516.637	1.417.986.725
228	- Nguyên giá		110.144.000	1.462.276.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.627.363)	(44.289.275)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.043.157.576	4.999.592.424
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	V.8	-	2.956.434.848
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	2.043.157.576	2.043.157.576
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.902.465.356	2.327.742.543
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10b	1.902.465.356	2.327.742.543
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		167.122.367.041	191.796.235.846

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		94.590.673.538	94.199.807.485
310	I. Nợ ngắn hạn		67.713.332.633	80.938.739.304
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11a	441.819.805	591.124.445
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	-	20.206.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	2.703.877.970	1.526.518.973
314	4. Phải trả người lao động	V.14	1.011.675.120	728.463.190
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	18.105.859.191	11.049.461.552
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	5.444.845.647	5.333.210.444
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17a	40.005.254.900	41.503.960.700
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
330	II. Nợ dài hạn		26.877.340.905	13.261.068.181
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.11b	-	12.500.000.000
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.18	671.340.905	761.068.181
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.17b	26.206.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		72.531.693.503	97.596.428.361
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.19	72.229.351.028	97.066.188.486
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		146.763.000.000	146.763.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		146.763.000.000	146.763.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(74.533.648.972)	(49.696.811.514)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		(49.696.811.514)	(50.129.364.734)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(24.836.837.458)	432.553.220
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		302.342.475	530.239.875
431	1. Nguồn kinh phí		302.342.475	530.239.875
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		167.122.367.041	191.796.235.846

Gia Lai, ngày 22 tháng 03 năm 2023


Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch hội đồng quản trị



LÊ BÁ HIỀU



NGUYỄN VĂN QUÂN



TRINH ĐÌNH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Báo cáo kết quả kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	13.843.485.782	39.034.070.663
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.843.485.782	39.034.070.663
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	18.795.125.108	36.619.224.021
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(4.951.639.326)	2.414.846.642
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	4.518.245	3.426.159
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	7.069.310.972	4.796.297.041
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		7.069.310.972	4.796.291.233
25	8. Chi phí bán hàng		6.842.120	7.244.920
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	5.197.210.688	5.004.142.764
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(17.220.484.861)	(7.389.411.924)
31	11. Thu nhập khác	VI.6	332.895.630	8.521.712.377
32	12. Chi phí khác	VI.7	7.840.188.677	699.747.233
40	13. Lợi nhuận khác		(7.507.293.047)	7.821.965.144
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(24.727.777.908)	432.553.220
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	109.059.550	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(24.836.837.458)	432.553.220
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	(1.692)	29
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	(1.692)	29

Gia Lai, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch hội đồng quản trị





LÊ BÁ HIẾU

NGUYỄN VĂN QUÂN

TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

DVT: VND

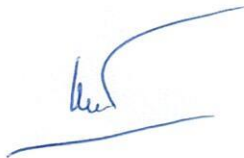
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		20.343.633.012	12.888.411.158
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(19.805.047.726)	(9.934.030.315)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(3.703.590.105)	(2.794.226.405)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(12.913.333)	(146.780.700)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.13	-	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.925.279.196	5.053.417.519
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(29.250.809.306)	(8.334.119.982)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(25.503.448.262)	(3.267.328.725)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		454.545.454	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.509.228	3.420.824
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		459.054.682	3.420.824
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.1	37.643.600.000	4.586.694.700
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(12.936.305.800)	(1.590.100.000)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		24.707.294.200	2.996.594.700
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(337.099.380)	(267.313.201)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		504.054.888	771.362.754
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		9.201	5.335
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	166.964.709	504.054.888

Gia Lai, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch hội đồng quản trị





LÊ BÁ HIẾU

NGUYỄN VĂN QUÂN

TRINH ĐÌNH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Gia Lai từ Công ty TNHH Một thành viên Cà phê Gia Lai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189678 ngày 13/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và sản xuất nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Mua bán nông sản xuất khẩu (trừ mù cao su);
- Buôn bán phân bón sử dụng trong nông nghiệp;
- Trồng cây cà phê;
- Rang và lọc cà phê, sản xuất các sản phẩm cà phê;
- Xuất nhập khẩu các loại cây giống, hạt giống, hàng nông sản các loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ ngày 13/09/2018, Công ty chính thức hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần với pháp nhân mới là Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay Công ty vẫn chưa quyết toán và tiến hành bàn giao chính thức tài sản và nguồn vốn từ Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty cổ phần.

Sản lượng Cà phê năm nay thu hoạch được ít hơn năm trước làm cho doanh thu bán hàng giảm. Thời tiết không thuận lợi, mưa bão làm hư hỏng toàn bộ vườn chuối đầu tư cho vụ cuối dẫn đến chi phí khác tăng cao. Đồng thời Công ty tăng khoản vay để phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh làm cho chi phí lãi vay tăng lên. Những điều này làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay giảm mạnh so với năm trước.

Ngoài ra, không có đặc điểm hoạt động nào khác ảnh hưởng đến báo cáo tài chính năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc:

- Chi nhánh Ia Bă Địa chỉ: Thôn Hợp Nhất, xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Ia Yok Địa chỉ: Thôn Lập Thành, xã Ia Yok, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Ia Grăng Địa chỉ: Thôn Làng Khóp, xã Ia Grăng, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Chư Sê Địa chỉ: Thôn Phú Cường, xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai

7. Nhân viên

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 32 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2021 là 29 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

11
11
G
Á
U
Đ
Á
T
Á
I

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh sau khi cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 10 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 7
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 8
Vườn cây lâu năm	20

7. Tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất có thời hạn và lâu dài. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán cà phê nhân xô, chanh dây

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt tại quỹ	125.732.588	446.976.042
- Tiền gửi ngân hàng	41.232.121	57.078.846
+ VND	40.464.671	56.015.281
+ USD	32,79 # 767.450	45,99 # 1.063.565
Cộng	166.964.709	504.054.888

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>14.668.316.300</i>	<i>19.524.268.700</i>
- Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng	14.668.316.300	19.524.268.700
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>-</i>	<i>2.256.665.000</i>
- Trần Thị Duyên	-	2.256.665.000
Cộng	<u>14.668.316.300</u>	<u>21.780.933.700</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>103.347.637</i>	<i>103.345.000</i>
- Công ty TNHH MTV ĐTXD và Môi trường Việt Đô Gia Lai	100.000.000	100.000.000
- Các đối tượng khác	3.347.637	3.345.000
Cộng	<u>103.347.637</u>	<u>103.345.000</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>25.332.315.490</i>	<i>(570.933.538)</i>	<i>25.337.802.650</i>	<i>(572.713.667)</i>
Phải thu Nhà nước về cổ phần hóa (a)	24.305.035.075	-	24.305.035.075	-
Phải thu khác	1.027.280.415	(570.933.538)	1.032.767.575	(572.713.667)
- Phải thu khác tại văn phòng 1	455.306.820	-	454.966.253	-
- Phải thu khác tại Chi nhánh Ia Yok	34.211.757	(34.211.757)	34.211.757	(34.211.757)
- Phải thu khác tại Chi nhánh Ia Bă	3.466.855	(2.426.798)	9.028.232	(4.206.927)
- Phải thu khác tại Chi nhánh Ia Grăng	534.294.983	(534.294.983)	534.561.333	(534.294.983)
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	<u>25.332.315.490</u>	<u>(570.933.538)</u>	<u>25.337.802.650</u>	<u>(572.713.667)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**(a) Chi tiết phải thu Nhà nước về cổ phần hóa**

	Số tiền
Giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm định giá (01/07/2017)	18.420.888.630
Giá trị vốn phát sinh sau thời điểm định giá đến thời điểm cổ phần (01/07/2017 -	104.037.076.295
- Lỗi lũy kế phát sinh từ sau thẩm định giá đến thời điểm cổ phần	(24.182.511.500)
- Giảm vốn do bàn giao TS cho NN, Công ty mua bán nợ	(5.460.705.717)
- Tăng vốn do Chênh lệch đánh giá lại tài sản	133.582.539.457
- Tăng vốn do công nợ phải trả không xác định được chủ nợ	97.122.678
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối kỳ	629.953
- Lãi tiền gửi phong tỏa	1.424
Vốn thực góp tại Công ty cổ phần	146.763.000.000
Cộng	24.305.035.075

Là khoản Nhà nước thoái vốn toàn bộ nhiều hơn số vốn Nhà nước hiện có đến thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần (ngày 13/09/2018). Tuy nhiên, khoản phải thu này chưa được quyết toán và có thể thay đổi khi quyết toán chính thức. Một số khoản xử lý tài chính của kỳ kế toán trước cổ phần hóa (giai đoạn Nhà nước) vẫn chưa được sự phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền:

- Công nợ phải thu khó đòi không xác nhận được tại thời điểm 12/09/2018 số tiền: 5.337.464.136 đồng Công ty xử lý vào khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" của kỳ kế toán cổ phần hóa.
- Giá trị cây bơ, sầu riêng bị chết số tiền: 4.301.764.350 đồng Công ty xử lý vào khoản mục "Chi phí khác" của kỳ kế toán cổ phần hóa.
- Chi phí tiền lương, tiền xăng xe, điện thoại từ ngày 13/09/2018 đến ngày 13/12/2018 phải trả cho Ban điều hành làm nhiệm vụ bàn giao sang Công ty cổ phần (113.656.787 đồng) Công ty hạch toán vào khoản mục "Phải thu về cổ phần hóa" của kỳ kế toán cổ phần hóa nhưng chưa được phê duyệt.

5. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	307.817.287	-	608.495.012	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	1.288.103.977	-
Cộng	307.817.287	-	1.896.598.989	-

- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31/12/2022
- Không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	105.605.543.136	11.598.256.555	15.076.556.076	190.000.000	268.231.312.642	400.701.668.409
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán TSCĐ	-	-	(1.526.000.000)	-	-	(1.526.000.000)
Giảm do phá dỡ TSCĐ	-	-	-	-	(507.911.081)	(507.911.081)
Số cuối năm	105.605.543.136	11.598.256.555	13.550.556.076	190.000.000	267.723.401.561	398.667.757.328
<i>Trong đó:</i>						
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	210.784.902	-	-	-	-	210.784.902
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	66.781.828.605	7.908.945.641	5.120.434.035	131.363.075	188.685.016.816	268.627.588.172
Khấu hao trong năm	3.475.130.688	777.287.244	1.361.857.749	12.475.932	4.746.329.520	10.373.081.133
T/lý, nhượng bán TSCĐ	-	-	(1.298.286.376)	-	-	(1.298.286.376)
Giảm do phá dỡ TSCĐ	-	-	-	-	(339.493.214)	(339.493.214)
Số cuối năm	70.256.959.293	8.686.232.885	5.184.005.408	143.839.007	193.091.853.122	277.362.889.715
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	38.823.714.531	3.689.310.914	9.956.122.041	58.636.925	79.546.295.826	132.074.080.237
Số cuối năm	35.348.583.843	2.912.023.670	8.366.550.668	46.160.993	74.631.548.439	121.304.867.613

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã sử dụng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 9.972.154.320 đồng.

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Quyền sử dụng đất lâu dài	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	402.064.000	1.060.212.000	1.462.276.000
Tăng trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(369.920.000)	(982.212.000)	(1.352.132.000)
Số cuối năm	32.144.000	78.000.000	110.144.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	44.289.275	-	44.289.275
Khấu hao trong năm	7.574.017	-	7.574.017
Thanh lý, nhượng bán	(47.235.929)	-	(47.235.929)
Số cuối năm	4.627.363	-	4.627.363
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	357.774.725	1.060.212.000	1.417.986.725
Số cuối năm	27.516.637	78.000.000	105.516.637

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Quyền sử dụng đất có thời hạn: Quyền sử dụng đất tại xã Ia Blang, huyện Chư Sê, Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA517987 ngày 23/02/2022, diện tích 268,3 m² đất trồng cây lâu năm tương ứng 32.144.000 đồng, thời hạn sử dụng đến tháng 4 năm 2047.

(**) Quyền sử dụng đất lâu dài: Quyền sử dụng đất tại xã Ia Blang, huyện Chư Sê, Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA517987 ngày 23/02/2022, diện tích 130 m² đất ở tương ứng 78.000.000 đồng.

Hiện nay Công ty vẫn chưa có kế hoạch sử dụng các quyền sử dụng đất này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí đầu tư phát triển vườn chuối	-	-	2.956.434.848	2.956.434.848
Cộng	-	-	2.956.434.848	2.956.434.848

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	2.043.157.576	-	-	2.043.157.576
Chi phí trồng thay thế hệ thống che bóng, chắn gió cho vườn cà phê bằng cây sầu riêng và cây bơ	1.543.025.367	-	-	1.543.025.367
Diện tích tái canh tại chi nhánh Ia Grăng năm 2017	500.132.209	-	-	500.132.209
Cộng	2.043.157.576	-	-	2.043.157.576

10. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	583.330	-
Cộng	583.330	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn**

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	-	27.888.333
Tăng trong năm	3.500.000	-
Phân bổ trong năm	(2.916.670)	(27.888.333)
Số dư cuối năm	583.330	-

b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa	30.453.128	127.307.115
Lợi thế kinh doanh	1.872.012.228	2.200.435.428
Cộng	1.902.465.356	2.327.742.543

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.327.742.543	2.968.086.631
Tăng trong năm	30.645.458	-
Phân bổ trong năm	(455.922.645)	(640.344.088)
Số dư cuối năm	1.902.465.356	2.327.742.543

11. Phải trả người bán**a. Ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	<i>441.819.805</i>	<i>591.124.445</i>
Công ty TNHH Vinh Hoàng	280.250.000	284.200.000
Các đối tượng khác	161.569.805	306.924.445
Cộng	441.819.805	591.124.445

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Dài hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	12.500.000.000
Công ty CP Chè Biên Hồ	-	12.500.000.000
<i>Phải trả các người bán khác</i>	-	-
Cộng	-	12.500.000.000

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	20.206.000.000
Công ty CP Chè Biên Hồ	-	20.206.000.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	-	-
Cộng	-	20.206.000.000

13. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	105.197.382	-	109.059.550	-	-	3.862.168
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.634.681	41.659.108	36.177.564	-	7.116.225
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.524.884.292	3.141.293.854	1.973.278.569	-	2.692.899.577
Các loại thuế khác	-	-	138.941.696	138.941.696	-	-
Cộng	105.197.382	1.526.518.973	3.430.954.208	2.148.397.829	-	2.703.877.970

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các mặt hàng nông sản Công ty tự sản xuất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Các mặt hàng khác áp dụng theo thuế suất hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hoạt động sau:

- Đối với thu nhập từ trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chế biến nông sản (bao gồm cả trường hợp hợp tác xã, doanh nghiệp mua bán sản phẩm nông sản, thủy sản về chế biến) được miễn thuế. Ưu đãi miễn thuế TNDN đối với hoạt động nêu trên được quy định tại điểm 1 điều 8 VBHN số 26 ngày 14/09/2015 của Bộ Tài chính.
- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Các loại thuế khác**

➤ Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(24.727.777.908)	432.553.220
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính	(25.659.078.005)	(8.146.118.122)
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bất động sản	545.297.748	-
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	386.002.349	8.578.671.342
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	8.494.869.063	3.804.456.406
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.494.878.080	3.804.461.741
+ Chi phí khấu hao xe ô tô đối với phần nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng và khấu hao QSDĐ chưa sử dụng	1.130.660.001	1.136.676.872
+ Phạt vi phạm hành chính	177.668.994	9.798.729
+ Thù lao HĐQT không chuyên trách	162.000.000	156.000.000
+ Chi phí lãi vay theo Nghị định 132/NĐ-CP (*)	6.997.310.134	2.445.464.884
+ Chi phí không hợp lệ khác	27.238.951	56.521.256
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá cuối năm của tiền	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	9.017	5.335
+ Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm của tiền	9.017	5.335
Thu nhập chịu thuế	(16.232.908.845)	4.237.009.626
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh chính (miễn thuế)	(17.164.208.942)	(4.341.661.717)
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh BĐS (20%)	545.297.748	-
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh khác (20%)	386.002.349	8.578.671.342
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	4.237.009.626
Thu nhập tính thuế	(16.232.908.845)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	109.059.550	-
- Chi phí thuế TNDN hoạt động kinh doanh BĐS	109.059.550	-
- Chi phí thuế TNDN hoạt động kinh doanh còn lại	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	109.059.550	-

(*) Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

14. Phải trả người lao động

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Tiền lương phải trả	1.011.675.120	728.463.190
Cộng	1.011.675.120	728.463.190

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Chi phí lãi vay, lãi nhận tiền ứng trước phải trả	18.006.104.389	10.949.706.750
<i>Trong đó, lãi phải trả Công ty CP Chè Biển Hồ</i>	<i>14.286.325.233</i>	<i>9.078.475.133</i>
Chi phí xăng xe, điện thoại (*)	19.754.802	19.754.802
Chi phí khác	80.000.000	80.000.000
Cộng	<u>18.105.859.191</u>	<u>11.049.461.552</u>

(*) Là chi phí xăng xe, điện thoại phải trả cho Ban Giám đốc, kế toán trưởng và kiểm soát viên làm nhiệm vụ bàn giao sang Công ty cổ phần chưa được phê duyệt.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	<i>5.444.845.647</i>	<i>5.333.210.444</i>
Phải trả quỹ tai nạn lao động nghề nghiệp	-	4.569.353
Kinh phí công đoàn	-	9.424.489
Phải trả về chế độ dôi dư	2.109.027.000	2.111.427.000
Phải trả Nhà nước khác	319.216.980	319.216.980
Tạm nhập cà phê ký gửi (*)	105.320.500	106.588.048
Nợ phải thu khó đòi đã xử lý các kỳ trước, kỳ này thu lại được (**)	2.002.056.562	1.892.157.341
Các khoản phải trả khác	909.224.605	889.827.233
- <i>Phải trả khác tại văn phòng 1 (***)</i>	<i>627.875.501</i>	<i>632.478.129</i>
- <i>Phải trả người dân tiền đo đạc, cắm mốc</i>	<i>233.349.104</i>	<i>233.349.104</i>
- <i>Thù lao HDQT và BKS</i>	<i>48.000.000</i>	<i>24.000.000</i>
Cộng	<u>5.444.845.647</u>	<u>5.333.210.444</u>

(*) là lượng cà phê thu mua của người dân ký gửi, Công ty đang ghi nhận theo đơn giá tạm tính tại thời điểm ký gửi, giá trị này sẽ thay đổi khi người dân chốt giá chính thức với Công ty.

(**) Công nợ phải thu tại Ia Phìn đã xử lý giảm vốn Nhà nước của giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước đến nay đã thu hồi được. Số tiền này sẽ được chuyển trả lại cho Nhà nước khi hoàn tất thủ tục bàn giao và thống nhất số liệu giữa các bên.

(***) Trong đó có 566.880.000 đồng là khoản bồi thường tại xã Ia Bă Công ty được nhận nhưng do vướng về thủ tục phải chi trả lại cho người nhận khoản số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ khoán nên Công ty chưa kết chuyển tăng Thu nhập khác của giai đoạn Công ty Nhà nước. Khoản thu nhập này sau khi hoàn tất thủ tục phải chuyển trả về cho Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính****a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn là các bên liên quan	40.005.254.900	40.005.254.900	41.503.960.700	41.503.960.700
Vay ngắn hạn của cá nhân	23.953.066.900	23.953.066.900	24.927.060.700	24.927.060.700
- Trịnh Đình Trường	5.714.660.700	5.714.660.700	5.582.310.700	5.582.310.700
- Trịnh Quang Hưng	16.733.406.200	16.733.406.200	17.839.750.000	17.839.750.000
- Lê Thị Vinh	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
- Phạm Văn Cường	305.000.000	305.000.000	305.000.000	305.000.000
Vay ngắn hạn Công ty CP Chè Biển Hồ	16.052.188.000	16.052.188.000	16.576.900.000	16.576.900.000
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	-	-	-	-
Cộng	40.005.254.900	40.005.254.900	41.503.960.700	41.503.960.700

- Vay ngắn hạn Công ty CP Chè Biển Hồ theo các hợp đồng vay gồm:

+ Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 03/03/2020 và phụ lục hợp đồng số 01.2/PLHĐVV/2022-BHG/FGL ngày 03/04/2022. Số tiền vay: 1.400.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 30/06/2023, lãi suất vay 10,5%/năm.

+ Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 28/05/2020 và phụ lục hợp đồng số 02.2/PLHĐVV/2022-BHG/FGL ngày 28/04/2022. Số tiền vay: 700.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 30/06/2023, lãi suất vay 10,5%/năm.

+ Hợp đồng vay vốn số 03/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 26/06/2020 và phụ lục hợp đồng số 03.2/PLHĐVV/2022-BHG/FGL ngày 26/04/2022. Số tiền vay: 300.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 30/06/2023, lãi suất vay 10,5%/năm.

+ Hợp đồng vay vốn số 04/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 26/10/2020, phụ lục hợp đồng số 04.1/PLHĐVV/2020-BHG/FGL ngày 26/10/2021 và 04.2/PLHĐVV/2020-BHG/FGL ngày 26/10/2022. Số tiền vay: 900.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 27/10/2023, lãi suất vay 10,5%/năm.

+ Hợp đồng vay vốn số 05/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 16/12/2020, phụ lục hợp đồng số 05.1/PLHĐVV/2020-BHG/FGL ngày 16/12/2021 và 05.2/PLHĐVV/2020-BHG/FGL ngày 16/12/2022. Số tiền vay: 13.600.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 17/12/2023, lãi suất vay 10,5%/năm.

+ Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/2022-BHG/FGL ngày 29/07/2022. Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng, đã giải ngân 300.000.000 đồng tại ngày 29/07/2022, thời hạn vay đến ngày 29/06/2023, lãi suất vay 7%/năm.

- Vay ngắn hạn cá nhân khác theo các hợp đồng vay có thời hạn 12 tháng. Mục đích vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay là 7,8%/năm và không có tài sản thế chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn là các bên liên quan	26.206.000.000	26.206.000.000	-	-
Vay dài hạn Công ty CP Chè Biển Hồ	26.206.000.000	26.206.000.000	-	-
Vay dài hạn các đối tượng khác	-	-	-	-
Cộng	26.206.000.000	26.206.000.000	-	-

Vay dài hạn Công ty CP Chè Biển Hồ theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/2019-FGL/BHG ngày 25/03/2019 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHD/2022-BHG/FGL ngày 01/07/2022. Số tiền vay: 12.500.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày ký, lãi suất vay 10,5%/năm.

+ Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/2018-FGL/BHG ngày 11/10/2018 và phụ lục hợp đồng số 02/PLHD/2022-BHG/FGL ngày 01/07/2022. Số tiền vay: 20.206.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày ký, lãi suất vay 10,5%/năm.

(b1) Tất cả các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty CP Chè Biển Hồ đều không có tài sản thế chấp hoặc bảo lãnh của bên thứ ba. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị Công ty đã có biên bản họp số 07/BB.HĐQT ngày 22/12/2022 về việc thống nhất thực hiện giao dịch với bên liên quan. Theo đó, Công ty sẽ sử dụng các tài sản hiện có là các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay nợ của Công ty CP Chè Biển Hồ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai. Chi tiết các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được dùng để bảo đảm các khoản vay như sau:

TT	Tài sản	Địa chỉ	Mục đích
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517854	Tổ dân phố 2, Phường Thống Nhất, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Đất thương mại dịch vụ
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517909	Xã IaYok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517851	Xã IaYok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517834	Xã Ia Bã, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517905	Xã Ia Bã, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517906	Xã Ia Grăng, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
7	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517901	Xã Ia Pal, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517902	Xã Ia Pal, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
9	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517817	Xã Ia Pal, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

18. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Doanh thu chưa thực hiện với các bên liên quan	202.272.727	229.545.454
- Công ty CP Năng Lượng Nghĩa Hưng	202.272.727	229.545.454
Doanh thu chưa thực hiện khác	469.068.178	531.522.727
- Công ty CP Novus Imperium Gia Lai 1	202.272.727	229.545.454
- Công ty TNHH Na Sơn Gia Lai	130.295.451	147.477.273
- Công ty CP Solcano	136.500.000	154.500.000
Cộng	<u>671.340.905</u>	<u>761.068.181</u>

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư tại 01/01/2021	146.763.000.000	(50.129.364.734)	146.763.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	432.553.220	432.553.220
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	<u>146.763.000.000</u>	<u>(49.696.811.514)</u>	<u>97.066.188.486</u>
Số dư tại 01/01/2022	146.763.000.000	(49.696.811.514)	97.066.188.486
Lợi nhuận trong năm	-	(24.836.837.458)	(24.836.837.458)
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	<u>146.763.000.000</u>	<u>(74.533.648.972)</u>	<u>72.229.351.028</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
- Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-
- Cổ đông khác	100,00%	146.763.000.000	100,00%	146.763.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Legend Highland	24,19%	35.500.000.000	24,19%	35.500.000.000
+ Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng	23,85%	35.000.000.000	23,85%	35.000.000.000
+ Ông Trịnh Quang Hưng	19,44%	28.528.020.000	19,44%	28.528.020.000
+ Ông Trịnh Quang Vinh	10,48%	15.383.810.000	10,48%	15.383.810.000
+ Các cổ đông khác	22,04%	32.351.170.000	22,04%	32.351.170.000
Cộng	100,00%	146.763.000.000	100,00%	146.763.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	146.763.000.000	146.763.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	146.763.000.000	146.763.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.676.300	14.676.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu thường	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu thường	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	(49.696.811.514)	(50.129.364.734)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	(24.836.837.458)	432.553.220
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(74.533.648.972)	(49.696.811.514)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a. Ngoại tệ**

Chỉ tiêu	31/12/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại		
- USD	32,79	45,99

b. Nợ khó đòi đã xử lý (Giai đoạn nhà nước)

Tên đối tượng	31/12/2022	01/01/2022
Tại Chi nhánh Ia Phìn	4.768.282.422	4.768.282.422
Tại Chi nhánh Ta Bã	483.744.506	483.744.506
Các đối tượng khác	85.437.208	85.437.208
Tổng cộng	5.337.464.136	5.337.464.136

Công nợ khó đòi đã xử lý tại Chi nhánh Ia Phìn đến nay đã thu hồi được 2.002.056.562 đồng. Số tiền này sẽ được chuyển trả lại cho Nhà nước khi hoàn tất thủ tục bàn giao và thống nhất số liệu giữa các bên (Xem Thuyết minh V.16).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu với các bên liên quan	6.530.166.544	19.529.723.244
Doanh thu cà phê xuất bán	6.524.712.000	19.524.268.700
Doanh thu khác	5.454.544	5.454.544
Doanh thu với các đối tượng khác	7.313.319.238	19.504.347.419
Doanh thu chuyển nhượng QSD đất	1.850.193.819	-
Doanh thu cà phê xuất bán	5.373.336.700	13.747.231.054
Doanh thu bán chanh dây, chuối	-	5.652.730.000
Doanh thu hợp tác kinh doanh	89.788.719	104.386.365
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	13.843.485.782	39.034.070.663

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn chuyển nhượng QSD đất	1.304.896.071	-
Giá vốn cà phê xuất bán	17.453.547.037	31.984.442.007
Giá vốn chanh dây, chuối	-	6.280.912.674
Giá vốn hợp tác kinh doanh	36.682.000	25.677.400
Giá vốn khác	-	21.750.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.693.558.060)
Cộng	<u>18.795.125.108</u>	<u>36.619.224.021</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.509.228	3.420.824
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm của tiền	9.017	5.335
Cộng	<u>4.518.245</u>	<u>3.426.159</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	7.069.310.972	4.796.291.233
Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	5.808
Cộng	<u>7.069.310.972</u>	<u>4.796.297.041</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.568.607.714	2.090.896.555
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng	502.477.467	658.577.500
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.566.358.785	1.559.021.040
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.822.653	117.554.304
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3.462.900)	23.428.722
Chi phí khác bằng tiền	349.406.969	554.664.643
Cộng	<u>5.197.210.688</u>	<u>5.004.142.764</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	226.831.830	-
Thu nợ sản phẩm thiếu khoản các vụ trước	106.063.800	8.511.120.000
Thu phí lưu kho	-	10.592.377
Cộng	<u>332.895.630</u>	<u>8.521.712.377</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại vườn cây bị phá dỡ và chi phí phá dỡ	168.417.867	196.130.747
Chi hỗ trợ thanh lý hợp đồng khoán trước hạn	-	153.793.500
Xử lý chuỗi sản xuất bị mưa bão, hư hỏng, không bán được	7.466.862.865	-
Xử lý công trình không tiếp tục thi công	-	283.503.001
Tiền chậm nộp và lãi chậm nộp	177.668.994	9.798.729
Trả lại tiền khoán sản phẩm	-	3.578.200
Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	27.238.951	52.943.056
Cộng	<u>7.840.188.677</u>	<u>699.747.233</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(24.836.837.458)	432.553.220
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(24.836.837.458)	432.553.220
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	14.676.300	14.676.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	<u>(1.692)</u>	<u>29</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ**

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.676.300	14.676.300
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	14.676.300	14.676.300

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(24.836.837.458)	432.553.220
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(24.836.837.458)	432.553.220
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	14.676.300	14.676.300
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	(1.692)	29

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	524.662.217	11.382.363.629
Chi phí nhân công	3.849.817.806	3.514.982.353
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.380.655.150	10.421.226.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.485.108.220	1.373.421.890
Chi phí khác bằng tiền	2.570.402.108	4.130.520.359
Cộng	18.810.645.501	30.822.514.831

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền thu từ đi vay**

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	37.643.600.000	4.586.694.700
Cộng	37.643.600.000	4.586.694.700

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Tiền trả nợ gốc vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền chi các khoản đi vay theo kế ước thông thường	(12.936.305.800)	(1.590.100.000)
Cộng	<u>(12.936.305.800)</u>	<u>(1.590.100.000)</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Biên bản làm việc với Cục Thuế tỉnh Gia Lai ngày 07/04/2022 về việc giải quyết tiền thuê đất và tiền chậm nộp từ các năm. Theo đó, tổng tiền thuê đất và phạt chậm nộp của các năm trước như sau:

	Tiền thuê đất	Tiền chậm nộp	Cộng
Giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước	7.774.706.081	2.350.758.470	10.125.464.551
Giai đoạn Công ty cổ phần	395.826.472	135.444.900	531.271.372
Tổng cộng	8.170.532.553	2.486.203.370	10.656.735.923

Nguyên nhân khoản tiền này chưa được phản ánh vào BCTC các năm trước như sau:

- a. Giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước: là khoản tiền thuê đất phát sinh của giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước, không nằm trong phương án cổ phần hóa, không nằm trong hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp và đang còn vướng thủ tục bàn giao giữa Doanh nghiệp Nhà nước và Công ty cổ phần nên chưa phản ánh vào BC KQKD trong kỳ tương ứng.
- b. Giai đoạn Công ty cổ phần: Khoản chênh lệch là do Chi cục Thuế tính tiền thuê đất trên cả phần diện tích đất mà Công ty cổ phần đã bàn giao về cho địa phương quản lý. Vấn đề này công ty đã làm văn bản gửi UBND tỉnh và các ban/ngành liên quan của tỉnh để thống nhất số liệu chính thức.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2022			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Trịnh Đình Trường	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
2	Trịnh Quang Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	338.328.000	36.000.000	-	374.328.000
3	Trịnh Quang Vinh	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
4	Phạm Văn Cường	Thành viên HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc	199.032.000	36.000.000	-	235.032.000
5	Trịnh Văn Công	Thành viên HĐQT	71.400.000	36.000.000	-	107.400.000
6	Trần Đông Hưng	Trưởng Ban kiểm soát	-	36.000.000	-	36.000.000
7	Lê Thị Vinh	Thành viên BKS	-	24.000.000	-	24.000.000
8	Hoa Thị Lan Hương	Thành viên BKS	74.350.000	24.000.000	-	98.350.000
9	Nguyễn Văn Quân	Kế toán trưởng	154.296.000	-	-	154.296.000
	Tổng cộng		837.406.000	288.000.000	-	1.125.406.000

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2021			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Trịnh Đình Trường	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
2	Trịnh Quang Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	309.840.000	36.000.000	-	345.840.000
3	Trịnh Quang Vinh	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
4	Phạm Văn Cường	Thành viên HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc	180.000.000	36.000.000	-	216.000.000
5	Trịnh Văn Công	Thành viên HĐQT	66.000.000	36.000.000	-	102.000.000
6	Trình Thị Vân	Nguyên trưởng Ban kiểm soát	357.143	12.000.000	-	12.357.143
7	Trần Đông Hưng	Trưởng Ban kiểm soát	-	24.000.000	-	24.000.000
8	Lê Thị Vinh	Thành viên BKS	-	24.000.000	-	24.000.000
9	Hoa Thị Lan Hương	Thành viên BKS	78.000.000	24.000.000	-	102.000.000
10	Nguyễn Văn Quân	Kế toán trưởng	144.000.000	-	-	144.000.000
	Tổng cộng		778.197.143	288.000.000	-	1.042.197.143

b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: công ty con, các công ty mà Công ty đang đầu tư vốn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng
 Công ty CP Chè Biển Hồ
 Trịnh Đình Trường
 Trịnh Quang Hưng
 Phạm Văn Cường
 Lê Thị Vinh

Mối quan hệ

Công ty đầu tư
 Cùng công ty đầu tư
 Chủ tịch HĐQT
 Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
 Thành viên HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc
 Thành viên BKS

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Doanh thu với các bên liên quan khác:*

	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Chè Biển Hồ	6.530.166.544	5.454.544
Doanh thu cà phê xuất bán	6.524.712.000	-
Doanh thu khác	5.454.544	5.454.544
Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng	-	19.524.268.700
Doanh thu cà phê xuất bán	-	19.524.268.700
	6.530.166.544	19.529.723.244

Giao dịch với các bên liên quan khác:

	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Chè Biển Hồ	33.006.000.000	-
Vay phát sinh trong năm	33.006.000.000	-
Trả nợ vay trong năm	7.324.712.000	323.100.000
Thanh lý tài sản	454.545.454	-

Số dư với các bên liên quan khác:

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Chè Biển Hồ		
Phải trả người bán	-	12.500.000.000
Người mua trả tiền trước	-	20.206.000.000
Vay ngắn hạn	16.052.188.000	16.576.900.000
Vay dài hạn	26.206.000.000	-
Lãi tiền vay, tiền nhận ứng trước phải trả	14.286.325.233	9.078.475.133
Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng		
Phải thu khách hàng	14.668.316.300	19.524.268.700
Trình Định Trường		
Vay ngắn hạn	5.714.660.700	5.582.310.700
Lãi tiền vay	338.107.013	-
Trịnh Quang Hưng		
Vay ngắn hạn	16.733.406.200	17.839.750.000
Lãi tiền vay	3.067.428.393	1.675.921.617
Phạm Văn Cường		
Vay ngắn hạn	305.000.000	305.000.000
Lãi tiền vay	24.033.750	-
Lê Thị Vinh		
Vay ngắn hạn	1.200.000.000	1.200.000.000
Lãi tiền vay	290.210.000	195.310.000

75
NH
ST
AN
AI
T
AP
111

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**3. Báo cáo bộ phận**- *Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

	Cà phê Chuối, Chanh dây	Hoạt động bất động sản	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	11.898.048.700	1.850.193.819	95.243.263	-	13.843.485.782
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.898.048.700	1.850.193.819	95.243.263	-	13.843.485.782
Giá vốn bộ phận	17.453.547.037	1.304.896.071	36.682.000	-	18.795.125.108
Lợi nhuận gộp bộ phận	(5.555.498.337)	545.297.748	58.561.263	-	(4.951.639.326)
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	33.271.499.754	-	109.840.909	-	39.034.070.663
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.271.499.754	-	109.840.909	-	39.034.070.663
Giá vốn bộ phận	30.290.883.947	-	47.427.400	-	36.619.224.021
Lợi nhuận gộp bộ phận	2.980.615.807	-	62.413.509	-	2.414.846.642

- *Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện tại Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

4. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31/12/2022, lỗ lũy kế là (74.533.648.972) đồng, nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản ngắn hạn là 25.946.972.774 đồng. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để đảm bảo Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Báo cáo tài chính này không bao gồm bất kỳ một sự điều chỉnh nào liên quan đến khả năng thu hồi và phân loại lại giá trị tài sản đã ghi nhận hoặc liên quan đến giá trị hoặc phân loại lại các khoản nợ phải trả, được coi là cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Gia Lai, ngày 22 tháng 03 năm 2023



LÊ BÁ HIẾU
Người lập biểu



NGUYỄN VĂN QUÂN
Kế toán trưởng



TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG
Chủ tịch hội đồng quản trị



